

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

P, ngày 11 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1993; Trú tại: TDP Đ, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993; Trú tại: TDP Đ, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn K.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn K có 01 con chung là Nguyễn Văn Duy A, sinh ngày 23/7/2021. Nay thuận tình ly hôn, các đương sự thỏa thuận: Giao con Nguyễn Văn Duy A, sinh ngày 23/7/2021 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn K đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị C mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn K chưa thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con như thỏa thuận ở trên, thì anh K phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002532 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, thành phố H, hoàn trả lại cho chị C số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- UBND TT. Phú Đa;
- (ĐKKH số 07 ngày 01/02/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán.